

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 93/2018/DSPT
Ngày 29- 6 - 2018
V/v Tranh chấp hợp đồng
vay tài sản

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Văn Công Dân

Các Thẩm phán: Bà Lê Thị Tùng và bà Lê Thị Thanh Huyền.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Hương Giang – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Trọng Vượng - Kiểm sát viên

Ngày 29 tháng 6 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự phúc thẩm thụ lý số: 38/2018/TLPT- DS ngày 03 tháng 5 năm 2018 về Tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 03/2018/DSST ngày 07/3/2018 của Toà án nhân dân huyện Lắk bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 84/2018/QĐ-PT ngày 24/5/2018 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Lê Quang T - Sinh năm 1974, có mặt.

Địa chỉ: Buôn PB, xã N, huyện M, tỉnh Đắk Lắk.

- Bị đơn: Ông Phùng Thanh L - Sinh năm 1959, có mặt.

Địa chỉ: Buôn PA, xã N, huyện M, tỉnh Đắk Lắk.

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Phan Thị H, vắng mặt.

Địa chỉ: Buôn PA, xã N, huyện M, tỉnh Đắk Lắk.

2. Bà Nguyễn Thị G, vắng mặt.

Địa chỉ: Buôn PB, xã N, huyện M, tỉnh Đắk Lắk.

- *Người kháng cáo:* Ông Phùng Thanh L.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn ông Lê Quang T trình bày:

Vào ngày 12/02/2014, ông Phùng Thanh L có vay tiền của ông T là 130.000.000 đồng có viết giấy tờ ghi nhận nợ với nội dung: Hẹn đến ngày 30/3/2014 trả 20.000.000 đồng; ngày 30/7/2014 “DL” trả 50.000.000 đồng; còn 60.000.000 đồng trả góp 05 tháng, mỗi tháng là 12.000.000 đồng đồng từ ngày 30/8/2014 đến ngày 30/12/2014 “DL”. Nhưng đến hạn trả nợ, mặc dù ông T đã nhắc nhở đến đòi nhiều lần nhưng ông L vẫn cố tình dây dưa không chịu trả nợ như đã thỏa thuận. Vào năm 2015, ông T đã làm đơn khởi kiện ra Tòa án để giải quyết buộc ông Phùng Thanh L phải có nghĩa vụ trả nợ đầy đủ với tổng số tiền là 130.000.000 đồng. Trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án, ngày 05/9/2015 ông Phùng Thanh L viết giấy thỏa thuận cam kết sẽ trả nợ số tiền gốc và một phần lãi tổng cộng là 80.000.000 đồng theo kỳ, cụ thể: Từ ngày 05/9/2015 đến 30/10/2015 trả 20.000.000 đồng; từ ngày 30/10/2015 đến 30/12/2015 trả 20.000.000 đồng; từ ngày 30/12/2015 đến 30/4/2016 trả 20.000.000 đồng; từ ngày 30/4/2016 đến 30/7/2016 trả 20.000.000 đồng nên ông T đã rút đơn khởi kiện. Nhưng sau đó do ông L không thực hiện đúng theo thỏa thuận ngày 05/9/2015 nên ông Lê Quang T tiếp tục làm đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Phùng Thanh L phải có nghĩa vụ trả số tiền nợ là 130.000.000 đồng theo giấy mượn tiền do hai bên đã ký vào ngày 12/02/2014. Tuy nhiên, hai bên đã thừa nhận là ông Phùng Thanh L có đóng một cái tủ bếp cho ông T với giá tiền là 23.000.000 đồng, nên ngày 21/12/2017 thì ông Lê Quang T xin rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền 23.000.000 đồng. Đề nghị ông L phải có nghĩa vụ trả cho ông T số tiền nợ còn lại là: 107.000.000 đồng.

Bị đơn ông Phùng Thanh L trình bày:

Ông L không chấp nhận trả số tiền nợ theo yêu cầu của ông T là 130.000.000 đồng vì thực tế ông L chỉ vay tiền của ông T có 65.000.000 đồng theo giấy vay vào ngày 30/01/2013. Còn giấy mượn tiền ngày 12/02/2014 là ông T có hành vi hù dọa ép buộc ông L phải ký vào giấy tờ ghi nhận nợ gốc là 65.000.000 đồng và lãi 65.000.000 đồng tổng cộng cả gốc và lãi là 130.000.000 đồng nhưng ông L vẫn không có chứng cứ gì để chứng minh về hành vi đe dọa ép buộc phải ký nhận nợ của ông T. Đối với giấy thỏa thuận cam kết trả nợ ngày 05/9/2015 là ông L tự nguyện xin thỏa thuận trả nợ cho ông T 80.000.000 đồng, hình thức trả nợ dần 04 lần theo nội dung trong giấy thỏa thuận cam kết để ông T rút đơn khởi kiện. Tuy nhiên, dựa vào khả năng thực tế của ông L không trả được 80.000.000 đồng theo sự

thỏa thuận cam kết trả nợ ngày 05/9/2015. Nay ông T yêu cầu ông L phải trả nợ là 130.000.000 đồng theo giấy mượn tiền ngày 12/02/2014 thì ông L không chấp nhận, vì ông T tính lãi suất quá cao; do đó ông L chỉ chấp nhận trả nợ cho ông T 65.000.000 đồng tiền gốc và trừ tiền làm tử bết cho ông T là 23.000.000 đồng. Còn lại ông L chỉ trả nợ cho ông T là 42.000.000 đồng. Ngoài ra ông L không có yêu cầu gì khác.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 03/2018/DSST ngày 07/3/2018 của Tòa án nhân dân huyện Lắc, tỉnh Đắk Lắk đã quyết định:

Căn cứ Điều 256, 290 Bộ luật dân sự năm 2005 và Khoản 3 Điều 26, điểm a Khoản 1 Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39, Điều 144, Điều 147, 211, 220, 235, điểm c Khoản 2 Điều 266 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và Điều 18, 24, Khoản 2 Điều 27 Pháp lệnh số: 10/2009/PL - UBTVQH12 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội khóa 12 ngày 27/02/2009 của Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Lê Quang T về việc đòi lại số tiền nợ đối với ông Phùng Thanh L.

2. Buộc ông Phùng Thanh L phải có nghĩa vụ trả nợ cho ông Lê Quang T số tiền 107.000.000 đồng (một trăm lẻ bảy triệu đồng).

Căn cứ khoản 2 Điều 305 Bộ luật dân sự năm 2005 để tính lãi đối với số tiền chậm thi hành án khi có đơn yêu cầu của người được thi hành án.

3. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của ông Lê Quang T về số tiền 23.000.000 đồng đối với ông Phùng Thanh L.

4. Về án phí: Buộc ông Phùng Thanh L phải chịu 5.350.000 đồng (năm triệu ba trăm năm mươi nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Ông Lê Quang T không phải chịu án phí và được trả lại cho ông Lê Quang T 3.250.000 đồng (Ba triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số AA/2016/0001466 ngày 11/10/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện M, tỉnh Đắk Lắk.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn tuyên về quyền kháng cáo và quyền yêu cầu thi hành án cho các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 15/3/2018, bị đơn ông Phùng Thanh L kháng cáo với nội dung: ông L chỉ còn nợ của ông T số tiền 42.000.000 đồng chứ không phải là 107.000.000 đồng như Bản án sơ thẩm đã tuyên. Đề nghị HĐXX xem xét, sửa bản án sơ thẩm để bảo vệ quyền lợi cho ông L.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn ông Lê Quang T vẫn giữ nguyên nội dung đơn khởi kiện, bị đơn ông Phùng Thanh L vẫn giữ nguyên nội dung đơn kháng cáo.

Đại diện VKSND tỉnh Đắk Lắk phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Các đương sự trong vụ án và Hội đồng xét xử phúc thẩm đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk đề nghị HĐXX áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự, không chấp nhận đơn kháng cáo của ông Phùng Thanh L, giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 03/2018/DSST ngày 07/3/2018 của Tòa án nhân dân huyện Lắk.

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu được thu thập có trong hồ sơ vụ án, kết quả tranh luận tại phiên tòa, lời trình bày của các đương sự, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định:

[1]. Quá trình giải quyết vụ án tại Tòa án cấp sơ thẩm, tại đơn kháng cáo cũng như tại phiên tòa hôm nay, bị đơn ông Phùng Thanh L đều cho rằng ông chỉ vay của ông Lê Quang T số tiền 65.000.000 đồng theo Hợp đồng cho vay ngày 30/01/2013 mà ông L đã cung cấp cho Tòa án, ông chỉ nợ ông T 42.000.000 đồng chứ không phải 107.000.000 đồng. Số tiền 130.000.000 đồng theo giấy mượn tiền ngày 12/02/2014 là do ông T đe dọa, ép buộc ông phải ký nhận đối với khoản nợ gốc là 65.000.000 đồng và lãi là 65.000.000 đồng. Tuy nhiên, việc này nguyên đơn ông Lê Quang T không thừa nhận, ông T cho rằng số tiền ông L vay 65.000.000 đồng theo Hợp đồng cho vay ngày 30/01/2013 các bên đã thanh toán xong. Ông L cũng không xuất trình được bất cứ tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho lời trình bày của mình. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm buộc ông Phùng Thanh L phải có nghĩa vụ trả nợ cho ông Lê Quang T số tiền 107.000.000 đồng là có căn cứ, nên đơn kháng cáo của ông Phùng Thanh L là không có cơ sở để chấp nhận.

[2]. Xét thấy, Tòa án nhân dân huyện Lắk thụ lý vụ án tranh chấp hợp đồng vay tài sản giữa nguyên đơn ông Lê Quang T với bị đơn ông Phùng Thanh L vào ngày 11/10/2017, tuy nhiên tại phần Quyết định của bản án sơ thẩm lại áp dụng Pháp lệnh số 10/2009/PL – UBTVQH12 ngày 27/02/2009 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án để xác định nghĩa vụ phải chịu án phí của các đương sự là không đúng vì kể từ ngày 01/01/2017, Pháp lệnh này đã được thay thế bằng Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Mặt khác bản án sơ thẩm căn cứ khoản 2 Điều 305 Bộ luật dân sự

năm 2005 để tính lãi đối với số tiền chậm thi hành án khi có đơn yêu cầu của người được thi hành án là không đúng mà cần sửa lại áp dụng Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015 để tính lãi đối với số tiền chậm thi hành án khi có đơn yêu cầu của người được thi hành án cho đúng quy định. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm cần phải rút kinh nghiệm hai vấn đề này.

[3]. Do không được chấp nhận đơn kháng cáo nên bị đơn ông Phùng Thanh L phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 148, khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Không chấp nhận đơn kháng cáo của bị đơn ông Phùng Thanh L.

Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 03/2018/DSST ngày 07/3/2018 của Tòa án nhân dân huyện Lắc, tỉnh Đắk Lắk

Tuyên xử:

[1]. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Lê Quang T về việc đòi lại số tiền nợ đối với ông Phùng Thanh L.

[2]. Buộc ông Phùng Thanh L phải có nghĩa vụ trả nợ cho ông Lê Quang T 107.000.000 đồng (một trăm lẻ bảy triệu đồng).

Áp dụng Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015 để tính lãi đối với số tiền chậm thi hành án khi có đơn yêu cầu của người được thi hành án.

[3]. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của ông Lê Quang T về số tiền 23.000.000 đồng đối với ông Phùng Thanh L.

[4]. Về án phí:

[4.1]. Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Phùng Thanh L phải chịu 5.350.000 đồng (năm triệu ba trăm năm mươi nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Ông Lê Quang T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm được nhận lại 3.250.000 đồng (Ba triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số AA/2016/0001466 ngày 11/10/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện M, tỉnh Đắk Lắk.

[4.2]. Về án phí dân sự phúc thẩm: Ông Phùng Thanh L phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm, được khấu trừ số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm ông L đã nộp theo biên lai số AA/2016/0001536 ngày 16/3/2018 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện M.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại Đà Nẵng;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- TAND huyện Lắk;
- Chi cục THADS huyện M;
- Cổng thông tin điện tử Tòa án;
- Các đương sự;
- Lưu vt, hồ sơ vụ án;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Văn Công Dân